

Số: 1271/2023/QĐST-DS

Thành phố T, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 73/TLST – DS ngày 12/01/2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPQĐ

Địa chỉ: 18 Lê Văn Lương, phường T, quận CG, thành phố H;

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990

Địa chỉ: lầu 5 số 538 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3

(Văn bản ủy quyền số 881/UQ-MBAMC ngày 27/9/2021)

Bị đơn:

Ông Bùi Hà M, sinh năm: 1985

Bà Bùi Thị Minh H, sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: đường N, khu phố 1, phường L, Thành phố T, Thành phố

H.

Bà Bùi Thị Minh H ủy quyền cho ông Bùi Hà M

(Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2023)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Hà M và bà Bùi Thị Minh H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCPQĐ nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/4/2023 là 565.148.892

đồng (năm trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi hai đồng), bao gồm nợ gốc là 492.865.723 đồng, nợ lãi trong hạn 530.125 đồng, nợ lãi quá hạn: 41.753.966 đồng, nợ thẻ tín dụng 29.999.178 đồng theo hợp đồng tín dụng số 31371.16.120.2998583.TD ngày 25/11/2016 và khế ước nhận nợ, trả trong thời hạn 04 tháng, hạn chót trả vào ngày 30/8/2023.

Ông Bùi Hà M và bà Bùi Thị Minh H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/4/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 31371.16.120.2998583.TD ngày 25/11/2016 và khế ước nhận nợ.

Ngày ông Bùi Hà M và bà Bùi Thị Minh H thanh toán xong nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCPQĐ thì Ngân hàng TMCPQĐ thực hiện thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và phải trả lại cho ông Bùi Hà M, bà Bùi Thị Minh H bản chính giấy tờ đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 31372.16.120.2998583.BĐ ngày 25/11/2016;

Việc giao nhận tiền và các giấy tờ do hai bên thực hiện trực tiếp với nhau.

Nếu sau ngày 30/8/2023 ông Bùi Hà M, bà Bùi Thị Minh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCPQĐ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ số 64/32/64 đường số 8, khu phố 1, phường L, Thành phố T, Thành phố H thuộc thửa đất số 744, tờ bản đồ số 1, phường L, Thành phố T theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD401795, số vào sổ: CH04448 do Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố H cấp ngày 08/6/2016, cập nhật thay đổi ngày 04/7/2016 theo hợp đồng thế chấp số 31372.16.120.2998583.BĐ ngày 25/11/2016 để thu hồi nợ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) Ngân hàng TMCPQĐ đã nộp vì vậy ông Bùi Hà M, bà Bùi Thị Minh H phải trả lại cho Ngân hàng TMCPQĐ.

Về án phí: $20.000.000 + (4\% \times 165.148.892 \text{ đồng}) \times 50\% = 13.302.977$ đồng (mười ba triệu ba trăm lẻ hai ngàn chín trăm bảy mươi bảy đồng) ông Bùi Hà M, bà Bùi Thị Minh H phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, Thành phố H.

Ngân hàng TMCPQĐ không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng TMCPQĐ số tiền 13.878.585 đồng (mười ba triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm tám lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2021/0033143 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Đức;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Bình Tân
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Trâm

